

Số: /UBND-TP

Thành phố Lai Châu, ngày tháng 7 năm 2023

V/v hướng dẫn nghiệp vụ
chuẩn tiếp cận pháp luật

Kính gửi:

- Các Thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố Lai Châu;
- UBND các xã, phường.

Căn cứ Công văn số 945/STP-PBGDPL ngày 17/7/2023 của Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu về việc hướng dẫn nghiệp vụ chuẩn tiếp cận pháp luật. UBND thành phố hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

1. Điều kiện công nhận xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại khoản 3, Điều 4, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Trường hợp thời điểm cán bộ, công chức thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và thời điểm có quyết định kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự không cùng một năm thì xét điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như sau:

- Đối với trường hợp cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ: Xét điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với năm cán bộ, công chức thực hiện hành vi vi phạm.

- Đối với trường hợp cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị truy cứu trách nhiệm hình sự do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ: Xét điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với năm có Quyết định khởi tố bị can đối với cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật.

2. Điểm số chỉ tiêu, tiêu chí

2.1. Chỉ tiêu 3, tiêu chí 3 về danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý

Danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong

các vụ việc tham gia tố tụng mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định và người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng đã được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý.

Tại khoản 12, Điều 2 của Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý quy định: “*Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm. Trường hợp người thuộc diện được trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp xã giới thiệu theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Thông tư này*”.

Sau khi tiếp nhận thông tin, giới thiệu người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng đến Trung tâm để thực hiện quyền trợ giúp pháp lý, Ủy ban nhân dân cấp xã cần thực hiện ghi chép, lập danh sách, lưu trữ thông tin theo hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Danh sách thống kê theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BTP bao gồm họ và tên người thuộc diện trợ giúp pháp lý được giới thiệu đến Trung tâm, danh mục Giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân cấp xã, cụ thể như sau:

TT	Người thuộc diện TGPL	Danh mục giấy giới thiệu	Ghi chú
	Nguyễn Văn A	Số:.../GGT ngày... /.../....	
		

2.2. Chỉ tiêu 2, chỉ tiêu 3, tiêu chí 4 về các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp; Nhân dân bàn, biểu quyết

Căn cứ Điều 15, Điều 21 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023), các nội dung quy định tại khoản 1,

khoản 2 và khoản 6, Điều 15 có phạm vi thực hiện trong bản, tổ dân phố được xác định là các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp. Các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 15 có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã và khoản 3, khoản 4, khoản 5, Điều 15 được xác định là các nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết.

3. Về xử lý quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp thành phố có thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố.

Trong quá trình theo dõi, kiểm tra hoặc qua kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân phát hiện xã, phường đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhưng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố có thể tự mình hủy bỏ Quyết định công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bãi bỏ Quyết định công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận.

4. Chế tài xử lý đối với địa phương chưa thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Việc quy định, áp dụng chế tài xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và được thực hiện theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức (đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức; thi đua, khen thưởng; xử lý kỷ luật). Các cơ quan cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xác định chế tài xử lý phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

5. Đánh giá tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn các cấp giai đoạn 2021 - 2025

5.1. Về việc sử dụng kết quả đánh giá tiếp cận pháp luật trong đánh giá, công nhận, thu hồi quyết định đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3636/BNN-VPĐP ngày 06/6/2023 trả lời vướng mắc đánh giá

đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đô thị văn minh trong xét, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

5.2. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí 18.4 “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” (thuộc tiêu chí 18 “Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật) trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới

Để đạt được tiêu chí thành phần 18.4, phải tập trung thực hiện đạt 05 tiêu chí, 20 chỉ tiêu được quy định tại Điều 3 của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 09/2021/TT-BTP (bám sát Phụ lục 1 Thông tư này). Bên cạnh phải đảm bảo có đủ 03 điều kiện quy định tại Điều 4 của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

Trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật, đối với tiêu chí 2 và tiêu chí 3 nên chú ý xây dựng các mô hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở đạt hiệu quả để chuẩn bị cho tiêu chí về tiếp cận pháp luật của xã nông thôn mới nâng cao sau này theo quy định tại Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Về quy trình, thủ tục đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Điều 3 của Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

Trong trường hợp tổ chức xét, công nhận địa phương đạt nông thôn mới trước thời điểm đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá đạt tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ theo quy định và văn bản hướng dẫn có liên quan (*theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 2 của Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg*).

Đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương theo chức năng, thẩm quyền được giao và tình hình thực tiễn sắp xếp, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật đảm bảo phù hợp, để chủ động phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, góp phần thực hiện đạt chuẩn xã nông thôn mới.

5.3. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí 16 “Chuẩn tiếp cận pháp luật” thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao

Để được xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trước hết, xã phải đạt chuẩn nông thôn mới, đồng nghĩa với việc xã đó đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Do đó, xã phải duy trì, giữ vững đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đồng thời, phải đảm bảo đạt 03 chỉ tiêu của tiêu chí 16 “Tiếp cận pháp

luật” thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, trong đó nghiên cứu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 1723/QĐ-BTP, cụ thể:

5.3.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận (tiêu chí 16.1)

5.3.1.1 Mô hình điển hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả được công nhận

a) Cách xác định mô hình điển hình về PBGDPL

Để xác định là mô hình điển hình về PBGDPL thì phải đáp ứng đầy đủ 03 yêu cầu sau đây:

- *Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt điểm số tối đa: Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật” có 30 điểm tối đa. Căn cứ để xác nhận tiêu chí này đạt điểm tối đa được dựa vào các tài liệu sau: Quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định.*

- *Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác PBGDPL: Nguồn lực hỗ trợ trong nội dung này bao gồm nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất khác từ nguồn xã hội hóa (ngoài nhà nước). Việc hỗ trợ kinh phí hoặc nguồn lực khác từ cơ quan nhà nước cấp trên cho công tác PBGDPL của xã không được tính là đáp ứng yêu cầu này. Tài liệu đánh giá: Văn bản của tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ (Thông báo, Công văn, Hợp đồng, Báo cáo...) về việc tài trợ, hỗ trợ, đóng góp nguồn lực (kinh phí, công sức, các điều kiện khác) phục vụ triển khai công tác PBGDPL.*

- *Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.*

+ Việc hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố thực hiện thông qua một trong các văn bản: Công văn, Kế hoạch, Chỉ thị, Thông báo kết luận, Báo cáo... của UBND, Phòng Tư pháp thành phố, trong đó có nội dung hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình.

+ Theo quy định này, đối tượng được khen thưởng là các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình PBGDPL, mô hình hòa giải ở cơ sở. Tổ chức, cá nhân được khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở nói chung không được tính để xét yêu cầu này.

Ví dụ: HĐND xã, UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Đoàn Thanh niên xã, Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Hội Cựu chiến binh xã, Hội Nông dân xã, Lãnh đạo UBND xã, các công chức xã... là đối tượng khen thưởng trong triển khai mô hình PBGDPL.

b) Cách thức triển khai thực hiện

Như vậy, để đáp ứng các yêu cầu của mô hình điển hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả thì UBND xã, UBND thành phố phải thực hiện các công việc sau:

- Đối với UBND xã:

+ Phải thực hiện đầy đủ các nội dung của 06 chỉ tiêu tại tiêu chí 2 theo Phụ lục 1 trong Thông tư số 09/2021/TT-BTP và chuẩn bị tài liệu đánh giá tương ứng (chứng minh kết quả làm được).

+ Có biện pháp huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác PBGDPL bao gồm nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất khác từ nguồn xã hội hóa (ngoài nhà nước); đồng thời, cập nhật tài liệu chứng minh như: Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp kinh phí; người có uy tín, chức sắc tôn giáo... tham gia tuyên truyền, PBGDPL.

+ Rà soát trong 05 năm gần đây có các mô hình PBGDPL hiệu quả (xem chỉ tiêu 4, tiêu chí 2, Phụ lục I của Thông tư số 09/2021/TT-BTP) theo điều kiện mô hình¹ để lựa chọn như: Câu lạc bộ pháp luật; Thanh niên nói không với ma túy; Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự; Phát huy vai trò người có uy tín trong công tác PBGDPL... đã được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác, nếu chưa có thì khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

- Đối với UBND thành phố:

+ Thống kê các mô hình PBGDPL hiệu quả của các xã đăng ký nông thôn mới nâng cao hằng năm.

¹ Mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở là mô hình có từ 80% trở lên ý kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện các bản, tổ dân phố xác nhận mô hình đó hiệu quả, phù hợp trong truyền tải thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, được triển khai trên toàn địa bàn, duy trì thường xuyên, liên tục và có khả năng nhân rộng.

+ Rà soát, cập nhật bổ sung các văn bản, tài liệu của cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố (UBND, Phòng Tư pháp, ban, ngành, đoàn thể thành phố...) hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình PBGDPL hiệu quả. Đồng thời, rà soát trong 05 năm gần đây mô hình đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác, nếu chưa có thì xem xét, phối hợp với UBND xã thực hiện các thủ tục khen thưởng theo quy định.

Ví dụ: Mô hình điển hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả được công nhận phải đảm bảo thành phần hồ sơ như:

+ Tên gọi mô hình: “Nông dân 3 tốt”, “Câu lạc bộ tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật”, “Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội”...

+ Văn bản về khuyến khích, nhân rộng mô hình tại địa phương.

+ Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác của cơ quan cấp trên về mô hình PBGDPL hiệu quả 05 năm gần nhất.

+ Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua mô hình PBGDPL: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (nếu có).

+ Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện bản, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình PBGDPL hiệu quả.

+ Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình PBGDPL hiệu quả tại cơ sở.

5.3.1.2. Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả

a) Cách xác định mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở

Để xác định là mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở thì phải đáp ứng đầy đủ 03 yêu cầu sau đây:

- 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở.

+ Cách tính tỷ lệ: Tỷ lệ % = Số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao hòa giải viên / Tổng số tổ hòa giải của xã x 100%.

+ Tài liệu đánh giá: (i) Văn bản về việc hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải; (ii) Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, thù lao hòa giải viên; (iii) Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP hoặc Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, Quyết định của UBND cấp tỉnh.

- *Có hoạt động phối hợp với Tòa án nhân dân thành phố, Hội Luật gia thành phố, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.*

+ Việc phối hợp tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc hỗ trợ hòa giải có thể với một hoặc tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu trên; được thực hiện bằng hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn, hai bên cùng phối hợp tổ chức tập huấn hoặc phân công, cử cán bộ, báo cáo viên, chuyên gia tập huấn cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

+ Tài liệu đánh giá: (i) Hồ sơ, tài liệu (Kế hoạch, Giấy mời, Báo cáo kết quả tập huấn...) thể hiện sự phối hợp của một trong các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Tòa án nhân dân thành phố, Hội Luật gia thành phố, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự...) trong việc tập huấn, bồi dưỡng hòa giải viên hoặc hỗ trợ hòa giải cho tổ hòa giải; (ii) Báo cáo kết quả hòa giải, biên bản hòa giải, văn bản cho ý kiến (*nếu có*) thể hiện sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- *Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.*

+ Việc hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố thực hiện thông qua một trong các văn bản: Công văn, Kế hoạch, Chỉ thị, Thông báo kết luận, Báo cáo... của UBND, Phòng Tư pháp thành phố, trong đó có nội dung hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình.

+ Đối tượng được khen thưởng là các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình hòa giải ở cơ sở. Ví dụ: HĐND xã, UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thành viên các tổ hòa giải... Tổ chức, cá nhân được khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải ở cơ sở nói chung không được tính để xét yêu cầu này.

b) Cách thức triển khai thực hiện

Như vậy, để đáp ứng các yêu cầu của mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả UBND xã, UBND thành phố phải thực hiện các công việc sau:

- *Đối với UBND xã:*

+ Hàng năm, có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định; bố trí và thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, thù lao hòa giải viên theo đúng quy định và chuẩn bị tài liệu đánh giá tương ứng (chứng minh kết quả làm được).

+ Rà soát trong 05 năm gần đây có các mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả nào như: “Tổ hòa giải điểm”, “Câu lạc bộ hòa giải ở cơ sở của bản, tổ dân phố...”, “Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc tham gia hòa giải ở cơ sở” đã được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác, nếu chưa có thì khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

- *Đối với UBND thành phố:*

+ Thống kê các mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả của các xã đăng ký nông thôn mới nâng cao hàng năm.

+ Tùy theo tình hình, điều kiện thực tế của địa phương, giao Phòng Tư pháp thành phố tổ chức phối hợp với Tòa án nhân dân thành phố, Hội Luật gia thành phố, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải; đồng thời, chuẩn bị các tài liệu đánh giá tương ứng (chứng minh kết quả làm được).

+ Rà soát, cập nhật bổ sung các văn bản, tài liệu của cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố (UBND, Phòng Tư pháp, ban, ngành, đoàn thể thành phố...) hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả. Đồng thời, rà soát trong 05 năm gần đây mô hình đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp thành phố trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác, nếu chưa có thì xem xét, phối hợp với UBND xã thực hiện các thủ tục khen thưởng theo quy định.

5.3.1.3 Một số nội dung lưu ý

- Xã đạt tiêu chí “tiếp cận pháp luật” phải có đồng thời mô hình điển hình về PBGDPL và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở. PBGDPL và hòa giải ở cơ sở là các lĩnh vực quản lý độc lập, được triển khai thực hiện bằng mô hình khác nhau, thông qua đó giúp người dân trên địa bàn tiếp cận, nâng cao nhận

thức, hiểu biết pháp luật. Do đó, đối với mỗi lĩnh vực, xã phải có ít nhất 01 mô hình điển hình thì mới đạt được yêu cầu của tiêu chí “tiếp cận pháp luật”.

- Quy trình công nhận các mô hình điển hình:

+ Quyết định số 1723/QĐ-BTP không quy định riêng quy trình công nhận mà đưa ra các yêu cầu để đánh giá một mô hình PBGDPL hay mô hình hòa giải ở cơ sở đang được vận hành trên thực tế có hiệu quả hay không hiệu quả. Theo đó, việc công nhận mô hình điển hình về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả đã được lồng ghép vào quy trình, thủ tục đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ UBND thành phố thực hiện thẩm tra, Sở Tư pháp thực hiện thẩm định mức độ đạt các yêu cầu của mô hình điển hình về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả (tổng hợp trong Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của UBND thành phố và Báo cáo đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với tiêu chí 16 về tiếp cận pháp luật của Sở Tư pháp) làm căn cứ để Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thảo luận, bỏ phiếu xét đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 trong Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg. Quy định này nhằm tránh phát sinh các thủ tục cho địa phương trong đánh giá xã nông thôn mới nâng cao.

5.3.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên (tiêu chí 16.2)

- Cách tính tỷ lệ: Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100.

- Tài liệu đánh giá: Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở; văn bản hòa giải thành (*nếu có*); Báo cáo của UBND xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Cơ quan thực hiện: UBND xã chỉ đạo, hướng dẫn tổ hòa giải trên địa bàn rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả vụ, việc hòa giải thành và vụ, việc hòa giải không thành để tổng hợp, xác định tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã đạt tiêu chí 16 về tiếp cận pháp luật.

Để đạt được chỉ tiêu 16.2, UBND xã cần phải thực hiện các công việc sau:

+ Hướng dẫn cụ thể cho các Tổ hòa giải ở cơ sở xác định chính xác phạm vi hòa giải ở cơ sở đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

+ Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn thông qua: Tập huấn, cấp phát tài liệu... và huy động các tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật, có uy tín tại địa phương tham gia hỗ trợ hòa giải.

+ Thực hiện tốt công tác PBGDPL cho người dân trên địa bàn xã...

5.3.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt từ 90% trở lên (tiêu chí 16.3)

- Cách tính tỷ lệ: Tỷ lệ % = (Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý/Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý) x 100.

+ Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý là tổng số người dân trong các vụ việc trợ giúp pháp lý đã được thụ lý theo quy định tại Điều 30, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

+ Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là tổng số người dân có yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 29, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

Ví dụ: Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý là 15 người. Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là 30 người. Theo đó, tỷ lệ % người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu là $(15/30) \times 100 = 50\%$.

+ Trong trường hợp trên địa bàn xã có người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý nhưng không có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì tỷ lệ vẫn được tính tối đa để bảo đảm không ảnh hưởng đến tổng thể chung khi đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tài liệu đánh giá: Số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã được trợ giúp pháp lý; số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Để đạt được chỉ tiêu 16.3, UBND xã cần phải thực hiện các công việc sau:

+ Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông về Luật Trợ giúp pháp lý, nhất là các quy định về “Người được trợ giúp pháp lý, quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý”.

+ Lập danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7, Luật Trợ giúp pháp lý, nhất là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng mà UBND cấp xã có được thông tin theo quy

định giới thiệu đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh thuộc Sở Tư pháp để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý.

Một số nội dung lưu ý:

Việc thực hiện đánh giá tiêu chí tiếp cận pháp luật trong đánh giá xã nông thôn mới nâng cao không thực hiện theo một quy trình riêng như đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật mà thực hiện cùng với quy trình đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Số liệu phục vụ chấm điểm tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới nâng cao tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm trước liền kề năm đánh giá.

Căn cứ nội dung Công văn, yêu cầu và đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Thành ủy, HĐND thành phố (B/c);
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Lưu: VT, TP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đình Tiến